

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 4602/QĐ-ĐHYD ngày 27 tháng 8 năm 2025 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)

### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt) : Điều dưỡng
- Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh) : Nursing
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Định hướng đào tạo : Nghề nghiệp
- Mã ngành đào tạo : 7720301
- Thời gian đào tạo : 2 năm
- Loại hình đào tạo : Liên thông vừa làm vừa học

### B. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Mục tiêu đào tạo

##### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có kiến thức và năng lực hành nghề theo chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam; có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tự chủ và trách nhiệm; và khả năng nghiên cứu khoa học, học tập suốt đời để nâng cao năng lực bản thân và hội nhập quốc tế

##### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo người học có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Kiến thức

PO.01. Các khối kiến thức hỗ trợ, cơ sở khối ngành sức khỏe.

PO.02. Kiến thức cốt lõi về chuyên ngành điều dưỡng.

- Kỹ năng

PO.03 Các kỹ năng nghề nghiệp bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện; quản lý, sáng tạo, phát triển, và dẫn dắt và khởi nghiệp.

PO.04. Các kỹ năng mềm bao gồm giao tiếp, làm việc nhóm, tư vấn, giáo dục sức khỏe; sử dụng công nghệ số, ngoại ngữ có thể hội nhập quốc tế.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO.05. Thực hành nghề nghiệp một cách tự chủ và trách nhiệm theo quy định pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với cá nhân, cộng đồng.

PO.06. Tự định hướng và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường: điều dưỡng chuyên khoa, chuyên khoa sâu.

#### 2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức	
1.1	Kiến thức hỗ trợ, cơ sở khối ngành, nhóm ngành	
PLO.01	Áp dụng được kiến thức nền tảng từ kiến thức hỗ trợ, cơ sở khối ngành, cơ sở ngành vào công tác chăm sóc, quản lý, dự phòng và nâng cao sức khỏe.	III

PI01.1	Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 (đối với trình độ đại học) hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo Quy định chung của Đại học Huế	IV <sup>KN</sup>
PI01.2	Có định hướng rõ ràng ngành nghề và vận dụng các kiến thức về đạo đức nghề nghiệp Điều dưỡng vào trong công tác chăm sóc điều dưỡng.	III <sup>KT</sup>
PI01.3	Áp dụng được các kiến thức về y học cơ sở vào công tác chăm sóc, dự phòng, nâng cao sức khỏe cho đối tượng có nhu cầu sức khỏe, người bệnh, gia đình và cộng đồng.	III <sup>KT</sup>
PI01.4	Phân tích và vận dụng được các kiến thức hỗ trợ, cơ sở khối ngành, y học vào công tác chăm sóc, dự phòng, nâng cao sức khỏe cho đối tượng có nhu cầu sức khỏe, người bệnh, gia đình và cộng đồng.	III <sup>KT</sup>
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức ngành/chuyên ngành, bổ trợ, thực tập và tốt nghiệp</b>	
<b>PLO.02</b>	<b>Sử dụng được quy trình điều dưỡng, học thuyết điều dưỡng, kiến thức bệnh học tổng hợp để cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe một cách an toàn, phù hợp, toàn diện cho đối tượng có nhu cầu, gia đình và cộng đồng</b>	<b>III, IV</b>
PI02.1	Giải thích và tóm tắt được những kiến thức cơ bản về học thuyết điều dưỡng trong công tác thực hành chăm sóc điều dưỡng và nghiên cứu.	III <sup>KT</sup>
PI02.2	Nhận định và giải thích được mối tương tác giữa môi trường tự nhiên, yếu tố xã hội, và chăm sóc điều dưỡng đối với sự phát triển về thể chất, tinh thần của con người qua các giai đoạn phát triển.	III <sup>KT</sup>
PI02.3	Vận dụng quy trình điều dưỡng và kiến thức bệnh học tổng hợp để lập kế hoạch chăm sóc, dự phòng, nâng cao sức khỏe cho đối tượng có nhu cầu sức khỏe, người bệnh, gia đình và cộng đồng phù hợp với từng hoàn cảnh.	IV <sup>KT,KN</sup>
<b>PLO.03</b>	<b>Hiểu và áp dụng được các kiến thức về quản lý Điều dưỡng trong thực hành nghề nghiệp</b>	<b>III</b>
PI03.1	Giải thích được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Điều dưỡng trong công tác chăm sóc, quản lý đối tượng có liên quan, người bệnh, gia đình, cộng đồng; quản lý nghề nghiệp một cách hiệu quả.	III <sup>KT</sup>
PI03.2	Hiểu và vận dụng hợp lý các mô hình chăm sóc, các phương pháp quản lý kinh tế y tế để cung cấp dịch vụ chăm sóc điều dưỡng một cách hiệu quả.	III <sup>KT</sup>

PI03.3	Hiểu, vận hành các trang thiết bị, phương tiện y tế; và thiết lập môi trường làm việc an toàn, hiệu quả.	III <sup>KT,KN</sup>
PI03.4	Thực hiện chăm sóc an toàn cho người bệnh, gia đình, cộng đồng, phòng ngừa những sai sót y khoa trong công tác chăm sóc và quản lý điều dưỡng.	III <sup>KN</sup>
<b>2</b>	<b>Kỹ năng</b>	
<b>PLO.04</b>	<b>Xây dựng kế hoạch, tổ chức, tham gia thực hiện các công việc liên quan đến công tác chăm sóc điều dưỡng một cách an toàn, hiệu quả.</b>	<b>III</b>
PI04.1	Xây dựng kế hoạch chăm sóc, phòng bệnh, nâng cao sức khỏe cho đối tượng có nhu cầu sức khỏe, người bệnh, gia đình và cộng đồng một cách an toàn, hiệu quả, sáng tạo.	III <sup>KN</sup>
PI04.2	Tiến hành các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng đúng quy trình, dùng thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả theo y lệnh	III <sup>KN</sup>
PI04.3	Tham gia xây dựng nội dung, chương trình và tài liệu truyền thông giáo dục sức khỏe; thực hiện, đánh giá hiệu quả công tác tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	III <sup>KN</sup>
<b>PLO.05</b>	<b>Đưa ra quyết định chăm sóc và giải quyết vấn đề dựa trên nhận định, phân tích, và phản biện phù hợp sức khỏe của từng đối tượng</b>	<b>III</b>
PI05.1	Thực hiện chăm sóc điều dưỡng với khả năng tư duy phản biện có hệ thống phù hợp với nhu cầu sức khỏe của người bệnh, gia đình và cộng đồng ở những điều kiện khác nhau.	III <sup>KN</sup>
<b>PLO.06</b>	<b>Thực hành chăm sóc điều dưỡng dựa vào bằng chứng</b>	<b>III,IV</b>
PI06.1	Giải thích và phân tích được các kết quả nghiên cứu khoa học, hoặc những cải tiến mới trong thực hành Điều dưỡng	III <sup>KT</sup>
PI06.2	Tiến hành các chăm sóc điều dưỡng dựa vào bằng chứng	III <sup>KN</sup>
<b>PLO.07</b>	<b>Giao tiếp hiệu quả, kỹ năng làm việc nhóm, tư vấn và giáo dục sức khỏe.</b>	<b>IV</b>
PI07.1	Giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp nhằm thúc đẩy mối quan hệ giữa các cá nhân để thực hiện tốt y lệnh, làm việc nhóm hiệu quả với các thành viên khác trong hệ thống chăm sóc sức khỏe.	IV <sup>KN</sup>
PI07.2	Lập kế hoạch tổ chức, thực hiện, đánh giá công tác tư vấn, giao tiếp, giáo dục sức khỏe có hiệu quả cho đối tượng có nhu cầu sức khỏe, người bệnh, gia đình, cộng đồng	IV <sup>KN</sup>

<b>PLO.08</b>	<b>Quản lý hiệu quả các nguồn lực trong học tập, chăm sóc</b>	III <sup>KN</sup>
PI08.1	Tham gia vào công tác tổ chức, điều phối, giám sát, đánh giá công tác chăm sóc một cách khoa học và đúng quy trình.	III <sup>KN,TC</sup>
PI08.2	Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong thực hành nghề nghiệp, đào tạo và nghiên cứu.	III <sup>KN</sup>
PI08.3	Tham gia thiết lập môi trường làm việc an toàn, hiệu quả cho người bệnh và nhân viên y tế theo hướng dẫn hoặc quy định nơi làm việc	III <sup>KN</sup>
<b>3</b>	<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<b>PLO.9</b>	<b>Thực hành nghề nghiệp với tinh thần tự chủ, trách nhiệm cá nhân; có đạo đức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp, và hành nghề theo pháp luật.</b>	<b>III</b>
PI9.1	Tôn trọng và tuân thủ các quy định của pháp luật, quy tắc an toàn trong môi trường lao động, chuẩn đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng trong thực hành chăm sóc với tinh thần phục vụ, trách nhiệm của cán bộ điều dưỡng trong môi trường học tập và làm việc đa dạng	III <sup>TC</sup>
PI09.2	Chịu trách nhiệm đến các quyết định và kết quả liên quan đến quá trình cung cấp các dịch vụ chăm sóc cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.	III <sup>TC</sup>
PI09.3	Thể hiện năng lực tự học, học tập liên tục, suốt đời để duy trì, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, và tham gia các hoạt động của tổ chức nghề nghiệp, đóng góp vào việc nâng cao vai trò và vị thế của người điều dưỡng và ngành điều dưỡng.	III <sup>TC</sup>

**Ghi chú:**

<i>Nhóm</i>	<i>Trình độ năng lực</i>	<i>Mô tả</i>
1. Nhớ	0.0-2.0 (I)	Có khả năng tìm kiếm và nhớ
2. Hiểu	2.0-3.0 (II)	Có hiểu biết/có thể tham gia
3. Vận dụng	3.0-3.5 (III)	Có khả năng vận dụng
4. Phân tích	3.5-4.0 (IV)	Có khả năng phân tích
5. Đánh giá	4.0-4.5(V)	Có khả năng đánh giá
6. Sáng tạo	4.5-5.0 (VI)	Có khả năng sử dụng thông tin để sáng tạo cái mới

**3. Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào)****3.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức)**

Thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng và chứng chỉ hành nghề đúng theo ngành/chuyên ngành tuyển sinh.

**3.2. Đối tượng dự tuyển quy định phải đáp ứng các điều kiện sau****a) Đạt ngưỡng đầu vào**

Thí sinh phải đạt một trong những tiêu chí sau:

- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm

trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên;

- Tốt nghiệp THPT loại khá, hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trình độ cao đẳng đạt loại khá trở lên.

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

#### 4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế.

Căn cứ Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

Căn cứ Quyết định số 5129/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2571/QĐ-ĐHYD ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

#### 5. Cấu trúc của chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Nội dung chương trình	Tổng số ĐVTC	Phân bố	
				Lý thuyết	Thực hành
		<b>1. Kiến thức cơ sở ngành:</b>	<b>11</b>	<b>9</b>	<b>2</b>
1	ĐHH-AI01	Nhập môn công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và ứng dụng	3	3	0
2	301CD.DHF.1.01.2	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	2	0
3	301CD.KDD.1.01.2	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1
4	301CD.GPS.1.01.2	Giải phẫu - Sinh lý	2	2	0
5	301CD.MPH.1.01.2	Mô phôi	2	1	1
		<b>2. Kiến thức ngành:</b>	<b>36</b>	<b>18</b>	<b>18</b>
6	301CD.NNG.2.01.3	Nội - Ngoại cơ sở	3	2	1
7	301CD.SNH.2.01.3	Sản - Nhi cơ sở	3	2	1
8	301CD.KDD.2.01.2	Học thuyết Điều dưỡng - TH Điều dưỡng dựa vào bằng chứng	2	1	1
9	301CD.PHC.2.01.2	Phục hồi chức năng	2	1	1
10	301CD.KDD.2.02.2	Quản lý điều dưỡng	2	1	1
11	301CD.KDD.2.03.2	Điều dưỡng truyền nhiễm	2	1	1
12	301CD.KDD.2.04.4	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	4	2	2
13	301CD.KDD.2.05.4	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	4	2	2
14	301CD.KDD.2.06.4	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	4	2	2
15	301CD.KDD.2.07.4	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	4	2	2
16	301CD.LDT.2.01.3	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội (Lao - Da liễu - Tâm thần)	3	1	2



Stt	Năm học	Chuẩn đầu ra	KIẾN THỨC			KỸ NĂNG					NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
		Học phần	P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	PLO9	
20	2	Lý thuyết	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
21	2	Thực hành	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

### 8. Kế hoạch đào tạo

TT	Tên môn học/ học phần	TSTC	HK1	HK2	HK3	HK4
<b>I</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>					
1	Nhập môn công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và ứng dụng	3	X			
2	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	X			
3	Điều dưỡng cơ bản	2	X			
4	Giải phẫu - Sinh lý	2	X			
5	Mô phôi	2	X			
<b>II</b>	<b>Kiến thức ngành</b>					
6	Nội - Ngoại cơ sở	3		X		
7	Sản - Nhi cơ sở	3		X		
8	Học thuyết Điều dưỡng - TH Điều dưỡng dựa vào bằng chứng	2	X			
9	Phục hồi chức năng	2			X	
10	Quản lý điều dưỡng	2			X	
11	Điều dưỡng truyền nhiễm	2			X	
12	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	4		X		
13	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	4		X		
14	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	4				X
15	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	4				X
16	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội (Lao - Da liễu - Tâm thần)	3			X	
17	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Ngoại (Mắt - TMH - RHM)	3			X	
	<b>III. Tốt nghiệp</b>					
18	Lý thuyết	2				X
19	Thực hành	2				X

**9. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Khoa/Bộ môn</b>
1	Nguyễn Thị Kim Hoa	Khoa Điều dưỡng
2	Lê Văn An	Khoa Điều dưỡng
3	Hồ Duy Bình	Khoa Điều dưỡng
4	Võ Thanh Tôn	Khoa Điều dưỡng
5	Mai Bá Hải	Khoa Điều dưỡng
6	Nguyễn Trường Sơn	Khoa Điều dưỡng
7	Đào Nguyễn Diệu Trang	Khoa Điều dưỡng
8	Dương Thị Ngọc Lan	Khoa Điều dưỡng
9	Hồ Thị Thùy Trang	Khoa Điều dưỡng
10	Nguyễn Thị Minh Thành	Khoa Điều dưỡng
11	Tôn Nữ Minh Đức	Khoa Điều dưỡng
12	Trần Thị Nguyệt	Khoa Điều dưỡng
13	Đặng Thị Thanh Phúc	Khoa Điều dưỡng
14	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Khoa Điều dưỡng
15	Võ Thị Nhi	Khoa Điều dưỡng
16	Trần Thị Hằng	Khoa Điều dưỡng
17	Phạm Thị Thúy Vũ	Khoa Điều dưỡng
18	Nguyễn Thị Anh Phương	Khoa Điều dưỡng
19	Mai Bá Hoàng Anh	BM Da liễu
20	Nguyễn Thị Trà My	BM Da liễu
21	Võ Tường Thảo Vy	BM Da liễu
22	Nguyễn Hữu Trí	BM GP-PTTH
23	Nguyễn Bá Lưu	BM GP-PTTH
24	Nguyễn Thành Phúc	BM GP-PTTH
25	Nguyễn Hoàng	BM GP-PTTH
26	Phan Văn Năm	BM Mắt
27	Lê Viết Nhật Hưng	BM Mắt
28	Trần Nguyễn Trà My	BM Mắt
29	Đỗ Long	BM Mắt
30	Nguyễn Phạm Phước Toàn	BM Mô phôi, GPB&PY
31	Nguyễn Phương Thảo Tiên	BM Mô phôi, GPB&PY
32	Nguyễn Thị Thủy Uyên	BM Mô phôi, GPB&PY
33	Võ Thị Hạnh Thảo	BM Mô phôi, GPB&PY
34	Lê Thị Bích Thuận	BM Nội
35	Hoàng Khánh	BM Nội
36	Nguyễn Hải Thủy	BM Nội
37	Văn Thị Minh An	BM Nội
38	Huỳnh Văn Minh	BM Nội
39	Võ Tam	BM Nội

40	Lê Văn Chi	BM Nội
41	Hoàng Bùi Bảo	BM Nội
42	Nguyễn Đình Toàn	BM Nội
43	Trương Xuân Long	BM Nội
44	Nguyễn Duy Duẩn	BM Nội
45	Phạm Minh Trãi	BM Nội
46	Lê Phước Hoàng	BM Nội
47	Đoàn Phạm Phước Long	BM Nội
48	Nguyễn Xuân Nhân	BM Nội
49	Hồ Ngọc Tiến Đạt	BM Nội
50	Trần Duy Khiêm	BM Nội
51	Lê Thanh Minh Triết	BM Nội
52	Nguyễn Phan Hồng Ngọc	BM Nội
53	Đoàn Thị Thiện Hảo	BM Nội
54	Trần Thị Kim Anh	BM Nội
55	Hoàng Ngọc Diệu Trâm	BM Nội
56	Trần Thanh Tùng	BM Nội
57	Nguyễn Anh Vũ	BM Nội
58	Hoàng Việt Thắng	BM Nội
59	Trần Văn Huy	BM Nội
60	Hoàng Anh Tiến	BM Nội
61	Nguyễn Hoàng Thanh Vân	BM Nội
62	Lê Thị Hồng Vân	BM Nội
63	Võ Thị Hoài Hương	BM Nội
64	Phan Thị Thùy Vân	BM Nội
65	Nguyễn Thị Ý Nhi	BM Nội
66	Phạm Anh Vũ	BM Ngoại
67	Lê Đình Đạm	BM Ngoại
68	Phạm Minh Đức	BM Ngoại
69	Nguyễn Nhật Minh	BM Ngoại
70	Đặng Như Thành	BM Ngoại
71	Nguyễn Xuân Mỹ	BM Ngoại
72	Phan Đình Tuấn Dũng	BM Ngoại
73	Trần Văn Khôi	BM Ngoại
74	Hoàng Thị Thủy Yên	BM Nhi
75	Nguyễn Thị Thanh Bình	BM Nhi
76	Nguyễn Thị Thanh Bình	BM Nhi
77	Nguyễn Hữu Châu Đức	BM Nhi
78	Phan Hùng Việt	BM Nhi
79	Bùi Bình Bảo Sơn	BM Nhi
80	Trần Vĩnh Phú	BM Nhi

81	Nguyễn Thị Cự	BM Nhi
82	Tôn Nữ Vân Anh	BM Nhi
83	Hồ Lý Minh Tiên	BM Nhi
84	Lê Thy Phương Anh	BM Nhi
85	Trương Thị Na	BM Nhi
86	Nguyễn Linh Giang	BM Nhi
87	Đỗ Hồ Tĩnh Tâm	BM Nhi
88	Phạm Võ Phương Thảo	BM Nhi
89	Nguyễn Thị Vân Kiều	BM Phục hồi chức năng
90	Hà Chân Nhân	BM Phục hồi chức năng
91	Đặng Thị Thu Hằng	BM Phục hồi chức năng
92	Tôn Thất Minh Đạt	BM Phục hồi chức năng
93	Phạm Thị Thạch Thảo	BM Phụ sản
94	Hoàng Thế Hiệp	BM Phụ sản
95	Võ Văn Đức	BM Phụ sản
96	Trần Doãn Tú	BM Phụ sản
97	Cao Ngọc Thành	BM Phụ sản
98	Trương Quang Vinh	BM Phụ sản
99	Nguyễn Vũ Quốc Huy	BM Phụ sản
100	Lê Minh Tâm	BM Phụ sản
101	Võ Văn Khoa	BM Phụ sản
102	Nguyễn Đắc Nguyên	BM Phụ sản
103	Hồ Trần Tuấn Hùng	BM Phụ sản
104	Võ Hoàng Lâm	BM Phụ sản
105	Nguyễn Thị Kim Anh	BM Phụ sản
106	Trương Thị Linh Giang	BM Phụ sản
107	Trần Thị Ngọc Bích	BM Phụ sản
108	Nguyễn Tuyết Trinh	BM Phụ sản
109	Lê Lam Hương	BM Phụ sản
110	Bùi Mạnh Hùng	BM Sinh lý
111	Nguyễn Hải Quý Trâm	BM Sinh lý
112	Nguyễn Thị Hiếu Dung	BM Sinh lý
113	Hoàng Thị Mai Thanh	BM Sinh lý
114	Nguyễn Thị Thuý Hằng	BM Sinh lý
115	Lê Trần Tuấn Anh	BM Tâm thần
116	Trần Thị Trà My	BM Tâm thần
117	Trần Như Minh Hằng	BM Tâm thần
118	Nguyễn Quang Ngọc Linh	BM Tâm thần
119	Lê Thanh Thái	BM Tai Mũi Họng
120	Nguyễn Nguyễn	BM Tai Mũi Họng
121	Hoàng Phước Minh	BM Tai Mũi Họng

122	Phan Hữu Ngọc Minh	BM Tai Mũi Họng
123	Hồ Minh Trí	BM Tai Mũi Họng
124	Dương Thị Mỹ	BM Tai Mũi Họng
125	Đặng Thanh	BM Tai Mũi Họng
126	Võ Đoàn Minh Nhật	BM Tai Mũi Họng
127	Nguyễn Thị Bình Nguyên	BM Truyền nhiễm-Lao
128	Trần Thị Hồng Vân	BM Truyền nhiễm-Lao
129	Trần Hùng	BM Truyền nhiễm-Lao
130	Hoàng Minh Vũ	Khoa Cơ bản
131	Hoàng Thanh Hải	Khoa Cơ bản
132	Lê Thị Thu Nga	Khoa Răng-Hàm-Mặt
133	Trần Tấn Tài	Khoa Răng-Hàm-Mặt
134	Lê Văn Nhật Thắng	Khoa Răng-Hàm-Mặt
135	Cung Thiện Hải	Khoa Răng-Hàm-Mặt
136	Nguyễn Thanh Minh	Khoa Răng-Hàm-Mặt
137	Châu Ngọc Phương Thanh	Khoa Răng-Hàm-Mặt
138	Nguyễn Thị Nhật Vy	Khoa Răng-Hàm-Mặt
139	Nguyễn Đức Quỳnh Trang	Khoa Răng-Hàm-Mặt
140	Nguyễn Thị Phương Thảo	Khoa Răng-Hàm-Mặt
141	Hoàng Minh Phương	Khoa Răng-Hàm-Mặt